

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Mã số: 71 40 202

(Ban hành kèm theo Quyết định số 315/QĐ-ĐHHV ngày 07/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Học phần	Số TC
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	29
I.1	Bắt buộc	27
-	Lý luận chính trị	11
-	Ngoại ngữ đại cương	10
-	Tin học đại cương	2
-	Pháp luật đại cương	2
-	Kỹ năng mềm	2
-	Giáo dục thể chất	(90 giờ)
-	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165 giờ)
I.2	Tự chọn (theo lĩnh vực hoặc nhóm ngành)	2
II	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	24
II.1	Bắt buộc	22
II.2	Tự chọn	2
III	KIẾN THỨC NGÀNH	41
III.1	Bắt buộc	37
III.2	Tự chọn	4
IV	KIẾN THỨC ĐÀO TẠO NĂNG LỰC SƯ PHẠM	26
IV.1	Bắt buộc	24
IV.2	Tự chọn	2
V	THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	10
-	Thực tập sư phạm 1	2
-	Thực tập sư phạm 2	3
-	Đề án tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế đề án tốt nghiệp	5
TỔNG:		130

2. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	29				
I.1		Bắt buộc	27				
1	DPT319	Triết học Mác - Lênin	3	30	30	90	
2	DPT220	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	20	20	60	DPT319
3	DPT215	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20	60	DPT220
4	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20	60	DPT215
5	DPT221	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	20	60	DPT207
		Ngoại ngữ đại cương (Chọn 1 ngoại ngữ)					
	LCE315	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
6	LCE216	Tiếng Anh 2	2	20	20	60	
7	LCE317	Tiếng Anh 3	3	30	30	90	
8	LCE218	Tiếng Anh 4	2	20	20	60	
9	LCC350	Tiếng Trung 1	3	30	30	90	
	LCC251	Tiếng Trung 2	2	20	20	60	
	LCC252	Tiếng Trung 3	2	20	20	60	
	LCC353	Tiếng Trung 4	3	30	30	90	
6	JAP401	Tiếng Nhật 1	4	45	30	125	
7	JAP402	Tiếng Nhật 2	4	45	30	125	
8	JAP203	Tiếng Nhật 3	2	20	20	60	
10	PHE101	Giáo dục thể chất 1	(1)				
11	PHE102	Giáo dục thể chất 2	(1)				
12	PHE103	Giáo dục thể chất 3	(1)				
13	NDE801	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165T)				
14	CPS201	Tin học đại cương	2	10	40	50	
15	PSY234	Kỹ năng mềm	2	15	30	55	
16	DPT213	Pháp luật đại cương	2	20	20	60	
I.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
17	LLP201	Phong cách học tiếng Việt	2*	20	20	60	
	HIS202	Lịch sử văn minh thế giới	2*	20	20	60	
	HIS203	Đại cương lịch sử Việt Nam	2*	20	20	60	
	LLP202	Ngôn ngữ học đại cương	2*	20	20	60	
	PRM204	Nhập môn nghề giáo (Tiểu học)	2*	20	20	60	
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	24				
II.1		Bắt buộc	22				
18	LLP203	Phương pháp NCKH chuyên ngành Giáo dục Tiểu học	2	20	20	60	
19	TAC202	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	20	20	60	
20	PRM201	Cơ sở Toán ở tiểu học 1	2	20	20	60	
21	LLP304	Cơ sở tiếng Việt ở tiểu học 1	3	30	30	90	
22	PRM302	Cơ sở Toán ở tiểu học 2	3	30	30	90	
23	BIO284	Giáo dục môi trường	2	20	20	60	
24	LLP205	Cơ sở tiếng Việt ở tiểu học 2	2	20	20	60	
25	PRM203	Xác suất thống kê	2	20	20	60	
26	BIO259	Cơ sở Tự nhiên ở tiểu học	2	20	20	60	
27	GEO249	Cơ sở Xã hội ở tiểu học	2	20	20	60	
II.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
28	PRM205	Số học	2*	20	20	60	
	LLP206	Rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt	2*	20	20	60	
	MUE249	Tổ chức sự kiện	2*	20	20	60	
	PSY229	Giáo dục hòa nhập học sinh tiểu học	2*	20	20	60	
	PRM232	Kỹ năng quản lý lớp ở tiểu học	2*	20	20	60	
III		KIẾN THỨC NGÀNH	41				
III.1		Bắt buộc	37				
29	LLP320	Văn học và dạy tác phẩm văn học	3	30	30	90	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
		ở tiểu học					
30	BIO257	Sinh lý học trẻ em (Tiểu học)	2	20	20	60	
31	PRM235	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	2	20	20	60	
32	LLP221	Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1	2	20	20	60	
33	LLP322	Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 2	3	30	30	90	
34	PRM207	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	2	20	20	60	
35	PRM308	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	3	30	30	90	
36	PRM209	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	2	20	20	60	
37	DPT211	Đạo đức và Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học	2	20	20	60	
38	PRM236	Phương pháp dạy học môn Công nghệ ở Tiểu học	2	20	20	60	
39	LLP212	Dạy học tiếng Việt ở tiểu học theo tiếp cận năng lực	2	20	20	60	
40	PRM214	Dạy học Toán ở tiểu học theo tiếp cận năng lực	2	20	20	60	
41	PHE259	Phương pháp công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh	2	20	20	60	
42	PSY237	Tư vấn tâm lý học đường	2	20	20	60	
43	PRM211	Thực hành giải toán ở tiểu học	2	20	20	60	
44	PRM218	Giáo dục kĩ năng sống, giá trị sống cho học sinh tiểu học	2	20	20	60	
45	PRM228	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	2	20	20	60	
III.2		Tự chọn (Chọn 2 học phần)	4				
47	LLP211	Ngữ nghĩa - ngữ dụng và ứng dụng trong tiếng Việt ở Tiểu học	2*	20	20	60	
	PRM212	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu toán ở tiểu học	2*	20	20	60	
	PRM237	Dạy học Khoa học ở tiểu học theo tiếp cận năng lực	2*	20	20	60	
	MUE264	Giáo dục nghệ thuật ở tiểu học (Âm nhạc)	2*	20	20	60	
	ART280	Giáo dục nghệ thuật ở tiểu học (Mĩ thuật)	2*	20	20	60	
	PHE260	Phương pháp dạy học môn giáo dục thể chất ở tiểu học	2*	20	20	60	
	PRM215	Dạy học Địa lí và Lịch sử ở tiểu học theo tiếp cận năng lực	2*	20	20	60	
	PRM238	Dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học theo tiếp cận năng lực	2*	20	20	60	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/ TL	Tự học	
IV		KIẾN THỨC ĐÀO TẠO NĂNG LỰC SƯ PHẠM	26				
IV.1		Bắt Buộc	24				
49	PSY318	Tâm lý học tiểu học	3	30	30	90	
50	PSY338	Giáo dục học tiểu học	3	30	30	90	
51	PSY217	Giao tiếp sư phạm	2	15	30	55	
52	PSY205	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	20	20	60	
53	PSY236	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cơ bản	2	10	40	50	
54	LLP223	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ngành Giáo dục Tiểu học	2		60	40	
55	PRM239	Dạy học theo định hướng giáo dục STEM ở tiểu học	2	20	20	60	
56	LLP214	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh Tiểu học	2	20	20	60	
57	INT238	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học	2	10	40	50	
58	PRM226	Dạy học tích hợp ở tiểu học	2	20	20	60	
59	PRM219	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	2	20	20	60	
IV.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
60	PRM220	Kĩ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Toán ở tiểu học	2*	20	20	60	
	LLP215	Kĩ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Văn - tiếng Việt ở tiểu học	2*	20	20	60	
	PRM221	Kĩ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Khoa học ở tiểu học	2*	20	20	60	
	PRM222	Kĩ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử - Địa lí ở tiểu học	2*	20	20	60	
	PRM240	Kĩ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	2*	20	20	60	
	PRM217	Dạy học song ngữ môn Toán ở Tiểu học	2*	20	20	60	
	PSY211	Can thiệp sớm cho trẻ mắc chứng rối loạn phát triển	2*	20	20	60	
V		THỰC TẬP, ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP	10				
61	LLP216	Thực tập sư phạm 1	2		60	40	
62	LLP317	Thực tập sư phạm 2	3		90	60	
63	PRM541	Đề án tốt nghiệp	5		150	100	

W
JNG
HOC
TUNG

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
		Học phần chuyên môn thay thế đề án tốt nghiệp (Chọn đủ 5 TC)	5				
64	PRM224	Rèn luyện và phát triển một số kỹ năng dạy học Toán ở tiểu học	2*	20	20	60	
	LLP318	Giao tiếp và dạy học tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp	3*	30	30	90	
65	LLP319	Phương pháp dạy học đọc - hiểu ở tiểu học	3*	30	30	90	
	PRM242	Dạy học tích cực ở tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục	2*	20	20	60	
	PRM227	Dạy học phân hóa ở tiểu học	2*	20	20	60	
Tổng:			130				

